

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2018
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Rạt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 409, khu vực A, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 39E/1, khu vực A, thị trấn H, huyện Đ, Long An.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Bà D và ông D cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông D có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gổ, cãi nhau. Bà D đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn hai lần nhưng ông D tha thiết muốn đoàn tụ nên bà D rút đơn, sau đó ông D vẫn không thay đổi. Nay bà D khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 26/02/2001, hiện đang sống với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày trong biên bản hòa giải ngày 13/6/2018 và tại phiên tòa như sau: ông D thống nhất điều kiện kết hôn và con chung, tình trạng hôn nhân như bà D trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông D thừa nhận trước đây có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Nay ông D đã sửa đổi và còn thương vợ con nên ông D không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ để cùng vợ chăm lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 26/02/2001, hiện đang sống với bà D. Khi ly hôn ông D sẽ tôn trọng nguyện vọng của con chung, con chung theo ai thì người đó nuôi, ông D không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D không có đơn phản tố, xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh D, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 14/9/2001 nên hôn nhân giữa bà D và ông D là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông D: Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông D không chung thủy, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy D về nguyên nhân mâu thuẫn được ông D thừa nhận trước đây có thời gian ông D có tình cảm với người khác bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và thấy thực tế bà D, ông D đã từng ly thân từ năm 2013, sau đó đoàn tụ và nay tiếp tục mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà D cương quyết ly hôn còn ông D mong muốn được đoàn tụ nhưng không nêu được biện pháp hàn gắn, hơn nữa bà D trình bày và được ông D thừa nhận đã hai lần nộp đơn xin ly hôn với ông D, sau đó rút đơn để cho ông D cơ hội hàn gắn nhưng ông D không thay đổi. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị

Thùy D và ông Nguyễn Thanh D đã mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Thanh D thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 26/02/2001, hiện đang sống với bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi con được ông D đồng ý. HĐXX xét tại bản từ khai ngày 26/6/2018 thì cháu N có nguyện vọng được sống với bà D. Do đó, HĐXX thấy ông D đồng ý để bà D nuôi con chung Nguyễn Dương Thanh N là đúng nguyện vọng của các con, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà D và ông D thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Thanh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D với ông Nguyễn Thanh D.

Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 26/02/2001, hiện đang sống với bà D.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp

bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Thanh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai số 0002546 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy